

## CH NG TRÌNH ÀO T O THEO H C CH TÍN CH

Trình ào t o: CAO NG  
Ngành ào t o: S PH MNG V N  
Lo i hình ào t o: CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quy t nh s 121/Q -C SP ngày 15 tháng 9 n m 2008  
c a Hi u tr ng tr ng C SPTT Hu )

### 1. M c tiêu ào t o:

#### 1.1. M c tiêu chung

Ch ng trình ào t o ngành S ph m Ng v n, trình cao ng nh m ào t o giáo viên trung h c c s (THCS) áp ng c nh ng yêu c u i m i c a Giáo d c ph thông (GDPT) trong th i k công nghi p hoá, hi n i hoá t n c. Các giáo viên THCS c ào t o ph i có t t ng, ph m ch t o c t t, có s c kho , có n ng l c giáo d c, d y h c theo yêu c u c a chu n GVTHCS, có kh n ng d y t t ch ng trình THCS m i, c ng nh có kh n ng áp ng c nh ng thay i c a GDPT trong t ng lai; có k n ng nghi n c u, t b i d ng khoa h c giáo d c.

#### 1.2. M c tiêu c th

Sinh viên t t nghi p ngành S ph m Ng v n trình cao ng ph i:

- Có nh ng ph m ch t c b n c a ng i giáo viên nhà tr ng XHCN Vi t Nam: th m nhu n th gi i quan Mác - Lênin và t t ng H Chí Minh, yêu n c, yêu CNXH, yêu h c sinh, yêu ngh , có ý th c xã h i, o c, tác phong ng i th y giáo.

- Có n ng l c chuyên môn và nghi p v m b o nh ng yêu c u i m i m c tiêu, n i dung, ph ng pháp, hình th c t ch c d y và h c, ki m tra ánh giá k t qu giáo d c/d y h c môn Ng v n tr ng THCS, áp ng yêu c u phát tri n giáo d c THCS v quy mô, ch t l ng, hi u qu , ph c v s nghi p công nghi p hoá, hi n i hoá t n c; có t i m l c không ng ng hoàn thi n trình ào t o ban u, v n lên áp ng nh ng yêu c u m i.

- Sinh viên t t nghi p cao ng s ph m ngành S ph m Ng v n còn ph i làm công tác ch nhi m l p, t ch c các ho t ng giáo d c ngo ài gi lên l p t i tr ng THCS.

2. Th i gian ào t o: 3 n m, chia làm 6 h c k

3. Kh i l ng ki n th c toàn khóa: 108 tín ch , ch a k các ph n n i dung v Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng – Anh ninh.

4. i t ng tuy n sinh: h c sinh ã t t nghi p trung h c ph thông

5. Quy trình ào t o, i u ki n t t nghi p: Th c hi n theo quy ch ào t o i h c và cao ng h chính quy theo h th ng tín ch , ban hành theo quy t nh s 43/2007/Q -BGD T ngày 15/8/2007 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o

6. Thang i m:

7. N i dung ch ng trình (tên và kh i l ng các h c ph n)

7.1. Khung ch ng trình ào t o

7.1.1	<b>Ki n th c giáo d c i c ng t i thi u</b> (ch a k các ph n n i dung Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng - AN)	<b>29</b>
7.1.2	<b>Ki n th c giáo d c chuyên nghi p t i thi u</b> <b>Trong ó t i thi u:</b>	<b>79</b>
	Ki n th c nghi p v chung cho kh i ngành C SP	15
	Ki n th c ngành s ph m Ng v n	45
	Ki n th c b tr (t ch n)	02
	Th c t p s ph m và thi t t nghi p	17

TT	Mã HP	Kh i KT/tên HP	S TC	Lo i gi t n ch				HP tiên quy t
				Lên l p		TH/TN	T NC	
				LT	T.lu n/ bài t p			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>		<b>Kh i ki n th c giáo d c i c ng</b>						
<b>I</b>		<b>Lý lu n chính tr</b>	<b>10</b>					
1	<b>1 01 001</b>	Nh ng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 1	2	2				
2	<b>1 01 002</b>	Nh ng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 2	3	3				<b>1 01 001</b>
3	<b>1 01 003</b>	T t ng H Chí Minh	2	2				
4	<b>1 01 007</b>	ng l i cách m ng c a ng CS VN	3	3				
<b>II</b>		<b>Ngo i ng , Tin h c không chuyên</b>	<b>9</b>					
1	<b>1 60 001</b>	Ti ng Anh 1	3	3				
2	<b>1 60 002</b>	Ti ng Anh 2	2	2				<b>1 60 001</b>
3	<b>1 60 003</b>	Ti ng Anh 3	2	2				<b>1 60 002</b>
4	<b>1 62 001</b>	Tin h c i c ng	2	2				
<b>III</b>	<b>1 72 001</b>	<b>Giáo d c th ch t</b>	3			3		
<b>IV</b>	<b>1 75 001</b>	<b>Giáo d c qu c phòng – An ninh</b>	6	6				
<b>V</b>		<b>Khoa h c t nhiên</b>	<b>2</b>					
1	<b>1 01 004</b>	Lôgíc h c	2	2				
<b>VI</b>		<b>Khoa h c xã h i và nhân v n</b>	<b>6</b>					
1	<b>1 02 002</b>	Qu n lý hành chính nhà n c	2	2				
2	<b>1 01 005</b>	M h c i c ng	2	2				
3	<b>1 47 003</b>	D n lu n ngôn ng h c	2	2				
<b>VII</b>		<b>T ch n (SV ch n 1/2 HP = 2 TC)</b>	<b>2</b>					
1	<b>1 40 101</b>	C s v n hóa Vi t Nam	2	2				
2	<b>1 03 114</b>	Khoa h c giao ti p	2	2				
<b>B</b>		<b>Kh i ki n th c giáo d c chuyên nghi p</b>						
<b>I</b>		<b>Ki n th c c s kh i ngành và ngành</b>	<b>15</b>					

1	1 03 001	Tâm lý học cơ bản	2	2			
2	1 03 106	TLH1 a tu i và TLH s ph m	3	3			1 03 001
3	1 03 107	Giáo d ch c cơ bản	2	2			
4	1 03 108	Ho t ng d y h c tr ng THCS	2	2			1 03 107
5	1 03 109	Ho t ng giáo d c tr ng THCS	2	2			
6	1 73 101	Công tác i TNTP H Chí Minh	2	2			
7	1 47 001	Ti ng Vi t th c hành	2	2			
<b>II</b>		<b>Ki n th c ngành</b>	<b>45</b>				
1	1 40 403	Hán Nôm 1	2	2			
	1 40 404	Hán Nôm 2	2	2			1 40 403
2	1 47 401	i c ng ti ng Vi t - ng âm ti ng Vi t	2	2			1 47 001
3	1 40 405	V nh c dân gian	3	3			
4	1 40 406	Lý lu n v nh c 1	2	2			
6	1 40 407	Lý lu n v nh c 2	3	3			
7	1 47 402	T v ng và ng ngh a ti ng Vi t	2	2			
8	1 40 408	Làm v n - c v n	2	2			
9	1 40 409	V nh c Vi t Nam trung i 1	2	2			
10	1 40 410	V nh c Vi t Nam trung i 2	2	2			1 40 409
11	1 40 411	V nh c Vi t Nam hi n i 1	2	2			
12	1 40 412	V nh c Vi t Nam hi n i 2	2	2			1 40 411
13	1 47 403	Ng pháp ti ng Vi t	2	2			
14	1 47 404	V n b n ti ng Vi t	2	2			
15	1 40 413	Ng d ngh c	2	2			
16	1 47 405	Phong cách h c ti ng Vi t	2	2			
17	1 40 414	V nh c th gi i 1	3	3			
18	1 40 415	V nh c th gi i 2	2	2			
19	1 40 416	Ph ng pháp d y h c Ng v n, V n	3				1 03 107
20	1 47 406	Ph ng pháp d y h c ti ng Vi t, TLV	3	3			1 03 107
<b>III</b>		<b>T ch n (SV c ch n 1/2 HP = 2 tc)</b>	<b>2</b>				
1	1 40 401	Nh ng v n v VH, VH, NN a ph ng	2	2			
2	1 40 418	Bài t p nghiên c u	2			2	
<b>IV</b>		<b>Th c t p, thi t t nghi p, khóa lu n</b>	<b>17</b>				
1		Nghiên c u th c t	1 tu n				
2	1 40 951	Rèn luy n nghi p v s ph m	3			3	
3	1 40 952	Th c t p n m 2	3			3	
4	1 40 953	Th c t p n m 3	6			6	1 40 952
5	1 40 954	Khóa lu n	5				5
6	1 40 955	<i>Nho giáo và v nh c dân t c</i>	2	2			HP thay khóa lu n
7	1 40 956	<i>Ti n trình v nh c</i>	3	3			HP thay khóa lu n
		<b>T ng s vtc toàn khóa</b>	<b>108</b>				

HI UTR NG  
CH T CH H KH& T